

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 7 năm 2020
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Doanh.

2. Ông Trần Đăng Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 02/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 16/6/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn HS, xã BS, huyện LNg, tỉnh BG.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1955 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn HS, xã BS, huyện LNg, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L kết hôn với ông Nguyễn Hữu C từ năm 2015 (Dương lịch), trước khi kết hôn bà L, ông C có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống, đăng ký kết hôn tại UBND xã Biên Sơn. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ sau khi kết hôn được khoảng 3 tháng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà L đã khuyên bảo nhiều nhưng vợ chồng bà và các con riêng của ông C không thể có tiếng nói chung. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, không còn tình cảm với ông C nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Đình C.

Về con chung: Bà L và ông C không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: bà L và ông C không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/5/2020, bị đơn là ông Nguyễn Hữu C trình bày như sau:

Ông C kết hôn với bà Nguyễn Thị L từ năm 2015, trước khi kết hôn chúng tôi có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống, đăng ký kết hôn tại UBND xã Biên Sơn. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Ông C xác định ông và bà L không có mâu thuẫn gì, chỉ vì các con riêng của ông không nhất trí cho ông sống chung với bà L. Ông C xác định vẫn còn tình cảm với bà L nên bà L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì ông không nhất trí.

Về con chung: Ông C và bà L không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông C xác định ông và bà không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại buổi hòa giải ngày 29/5/2020, ông C không nhất trí ly hôn với bà L.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu C đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- + Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Hữu C
- + Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.
- + Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét
- + Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà L thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn. Các đương sự đều cư trú tại huyện Lục Ngạn. Do vậy, yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông C đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với ông C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hữu C kết hôn ngày 21/12/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Biên Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của bà L thì cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông C đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng hay cãi nhau nên không còn tình cảm vợ chồng với ông C. Còn đối với ông C trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì mà chỉ vì các con riêng của ông C không nhất trí cho ông sống cùng bà L, ông xác định vẫn còn tình cảm với bà L và mong muốn bà L đoàn tụ sống cùng ông. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, một lần nữa bà L vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông C vì bà không thể sống cùng ông C khi đã hết tình cảm. Qua đó cho thấy bà L không còn tình cảm với ông C nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho bà L được ly hôn ông C.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà L và ông C không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Hữu C.

1.2. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai số AA/2019/0001340 ngày 29/5/2020. Xác nhận bà L đã thi hành xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND H. Lục Ngạn;
- CCTHADS H. Lục Ngạn ;
- UBND xã Biên Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Khiết